

Số: 106 /BC-CTK

Ninh Thuận, ngày 24 tháng 02 năm 2022

**BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI**  
**THÁNG 02 VÀ 2 THÁNG ĐẦU NĂM 2022**

**1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản**

*Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tháng 2/2022 diễn ra trong điều kiện thời tiết thuận lợi. Sản xuất nông nghiệp tập trung chủ yếu chăm sóc cây trồng vụ Đông xuân. Chăn nuôi ổn định, cung cấp đầy đủ sản phẩm trong dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần. Dịch tả lợn châu Phi trong tỉnh được kiểm soát, đàn lợn tiếp tục đà tăng. Sản lượng thủy sản khai thác tăng mạnh, sản xuất giống tăng ổn định.*

**a/ Nông nghiệp**

Tính đến ngày 15/02/2022, vụ Đông xuân 2022 đã kết thúc gieo trồng với diện tích sơ bộ đạt 31.065 ha, đạt 100,4% kế hoạch, tăng 1,7% so vụ Đông xuân 2021. Lượng nước ở các hồ trong tỉnh ổn định đủ để sản xuất tưới tiêu. Toàn tỉnh gieo cấy được 17.913 ha lúa Đông xuân, tăng 3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó huyện Ninh Phước diện tích gieo trồng lớn nhất với 5.395 ha, tăng 2%; huyện Ninh Sơn 3.417 ha, tăng 2,7%.

Cùng với việc gieo cấy lúa Đông xuân, các huyện gieo trồng được 2.761 ha ngô, tăng 1% so cùng kỳ năm trước; cây lấy củ 4.322 ha, giảm 0,2%; cây thuốc lá 104 ha, giảm 15%; cây có hạt chứa dầu 292 ha, tăng 8,8%; rau, đậu các loại 3.900 ha, giảm 4,3%; diện tích cây gia vị hằng năm, phần lớn là cây ớt 239 ha, giảm 1,7%; cây hàng năm khác chủ yếu là cỏ trồng 1.238 ha, tăng 10,4%.

Hiện tại, cây trồng đang sinh trưởng và phát triển tốt, tình trạng sâu đục thân, khô đầu lá lúa xuất hiện trên một số cánh đồng ở tỉ lệ rất thấp, mức độ gây hại nhẹ không đáng kể. Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng những nơi sản xuất kém hiệu quả (chuyển đổi từ đất lúa sang cây trồng cạn, sử dụng ít nước như rau, ngô, các loại đậu, cỏ chăn nuôi, cây ăn quả...) nhằm tăng hiệu quả sản xuất trên cùng đơn vị diện tích. Tổng diện tích chuyển đổi được 470,76 ha/ 488

ha, đạt 96,5% KH, trong đó trên đất lúa 225,86 ha và 244,9 ha trên đất cây hàng năm khác.

Thực hiện sản xuất 31 cánh đồng lớn/ 4.242,95 ha, trong vụ triển khai mới 01 cánh đồng bắp giống 60 ha/ 130 hộ tại huyện Ninh Phước; tiếp tục duy trì, mở rộng diện tích của 30 cánh đồng đã thực hiện với diện tích 4.182,97 ha (gồm: 25 cánh đồng lúa 3.966,4 ha; 02 cánh đồng măng tây 56,65 ha/174 hộ; 02 cánh đồng bắp giống 80 ha/ 137 hộ; 01 cánh đồng nho 29,92 ha; 01 cánh đồng hành tím 50 ha). Quy trình sản xuất cánh đồng lớn được áp dụng đồng bộ các khâu: xuống giống, chăm sóc, bón phân, phun thuốc đồng loạt để tạo hiệu quả rõ rệt. Mối liên kết giữa nông dân và doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm ngày càng chặt chẽ và mở rộng hơn, giúp nông dân an tâm sản xuất và mang lại hiệu quả kinh tế.

Trong tháng, tình hình chăn nuôi nhìn chung ổn định. Tình hình tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi trong tỉnh thuận lợi, sản lượng giết thịt trong và sau Tết Nguyên đán tăng. Công tác phòng chống dịch bệnh, kiểm dịch động vật, kiểm soát giết mổ đặc biệt được chú trọng; các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm như Viêm da nổi cục trên trâu bò, Lở mồm long móng, Cúm gia cầm, Tai xanh heo, Dịch tả lợn châu Phi cơ bản được kiểm soát tốt. Ước tính tháng Hai, đàn trâu giảm nhẹ 0,6% so với cùng thời điểm năm trước; đàn bò giảm 1,5%; đàn heo tăng 4,1%; đàn dê, cừu giảm 2,5%; đàn gia cầm tăng 10,1%. So cùng kỳ, giá cả sản phẩm thịt hơi và sản phẩm không qua giết thịt giảm mạnh (trừ trứng gà ta)... So với tháng trước, có một số sản phẩm vật nuôi có tăng nhẹ (heo, dê, cừu, gà ta, gà CN); một số giảm (bò, vịt, trứng gà ta) nhưng không nhiều do còn ảnh hưởng dịch Covid-19.

### ***b/ Lâm nghiệp***

Sản xuất lâm nghiệp trong tháng Hai tập trung chủ yếu vào hoạt động “Tết trồng cây”, và công tác chăm sóc, bảo vệ rừng trồng. Trong tháng, chưa có kế hoạch trồng nên không có diện tích rừng trồng mới phát sinh; số cây lâm nghiệp trồng phân tán ước đạt 2.500 cây, gấp 12,5 lần so với cùng kỳ năm trước; sản lượng gỗ khai thác đạt 183,75 m<sup>3</sup>, giảm 47,5%; sản lượng củi khai thác và thu nhập đạt 2.240 ste, giảm 1,5%.

Tính chung 2 tháng đầu năm, diện tích rừng trồng mới tập trung không phát sinh, không tăng không giảm so với cùng kỳ năm trước; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 2.500 cây, gấp 12,5 lần; sản lượng gỗ khai thác đạt 330,3 m<sup>3</sup>, giảm 49,2%; sản lượng củi khai thác và thu nhập đạt 4.160 ste, giảm 1,5%.

Diện tích rừng bị thiệt hại trong tháng Hai (từ 15/01-15/02/2022) là 1,6 ha, toàn bộ là diện tích rừng bị chặt, phá. Tính chung 2 tháng đầu năm, có 2,6 ha rừng bị thiệt hại, giảm 48,6% so với cùng kỳ năm trước, toàn bộ là diện tích rừng bị chặt, phá.

### ***c/ Thủy sản***

Trong tháng Hai, sản lượng thủy sản cả tỉnh ước đạt 7.494 tấn, tăng 44,3% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm cá đạt 6.775 tấn, tăng 51,2%; tôm đạt 200,7 tấn, tăng 9,5%; thủy sản khác đạt 518,3 tấn, giảm 2,3%.

Sản lượng thủy sản nuôi trồng trong tháng ước đạt 435 tấn, tăng 1,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó cá đạt 37 tấn, tăng 42,3%; tôm đạt 158 tấn, tăng 11,3%; thủy sản khác đạt 240 tấn, giảm 7,7%. Sản lượng nuôi trồng tăng do thu nuôi cá nước ngọt và tôm tăng, trong khi ốc hương giảm. Sản lượng tôm thẻ chân trắng ước đạt 145 tấn, tăng 7,4% so cùng kỳ năm trước; tôm sú chưa thu hoạch.

Sản lượng thủy sản khai thác trong tháng ước đạt 7.059 tấn, tăng 48,1% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm cá đạt 6.738 tấn, tăng 51,3%; tôm đạt 42,7 tấn, tăng 3,3%; thủy sản khác đạt 278,3 tấn, tăng 2,8%. Sau những ngày Tết Nguyên đán đầu tháng, thời tiết thuận lợi, biển êm, ngư dân đã đồng loạt ra khơi khai thác đánh bắt. Lượng cá nổi xuất hiện khá nhiều. Khu vực hoạt động khai thác chủ yếu trên các vùng biển Ninh Thuận đến Khánh Hòa, từ Bình Thuận đến đảo Côn Sơn - Vũng Tàu - Kiên Giang.

Tính chung 2 tháng đầu năm 2022, sản lượng thủy sản ước đạt 14.200,5 tấn, giảm 8,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó sản lượng nuôi trồng đạt 893 tấn, tăng 2,9%; sản lượng khai thác đạt 13.307,5 tấn, giảm 9,3%.

Sản lượng giống thủy sản sản xuất tháng Hai ước đạt 3.950 triệu con, tăng 3,3% so cùng kỳ năm trước; trong đó tôm giống ước đạt 3.900 triệu con, tăng 2,6%. Tình hình sản xuất và kinh doanh giống thủy sản của tỉnh trong tháng nhìn chung ổn định. Tính chung 2 tháng đầu năm, lượng giống sản xuất 8.070 triệu con, tăng 0,4%; trong đó tôm giống ước đạt 8.000 triệu con.

## **2. Sản xuất công nghiệp**

*Sản xuất công nghiệp trong tháng Hai tăng 19,9% so với cùng kỳ năm trước, ngành công nghiệp chế biến tập trung sản xuất trở lại sau Tết Nguyên đán Nhâm Dần, các doanh nghiệp đã chủ động thích ứng với dịch Covid-19 trong tình hình mới, nhanh chóng khôi phục, duy trì hoạt động bình thường. Tính chung 2 tháng đầu năm 2022, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tăng 11,25% so với cùng kỳ năm trước.*

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 02/2022 ước giảm 1,68% so với tháng trước và tăng 19,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó so với tháng trước: ngành khai khoáng tăng 41,89%; ngành chế biến, chế tạo giảm 22,43%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 1,44%; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 0,12%. So với cùng kỳ năm trước: ngành khai khoáng tăng 28,53%; ngành chế biến, chế tạo tăng 58,43%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 15,24%; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 8,35%.

Tính chung 2 tháng đầu năm 2022, IIP ước tính tăng 11,25% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành khai khoáng tăng 19,96% (cùng kỳ năm trước giảm 46,92%); ngành chế biến, chế tạo tăng 12,73% (cùng kỳ năm trước tăng 11,73%); ngành sản xuất và phân phối điện tăng 10,78% (cùng kỳ năm trước tăng 74,17%); ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,8% (cùng kỳ năm trước tăng 3,87%).

Trong các ngành công nghiệp cấp II, một số ngành có chỉ số sản xuất 2 tháng tăng cao so với cùng kỳ năm trước: chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ tăng 108,33%; sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất tăng 71,43%; sản xuất chế biến thực phẩm tăng 24,95%; sản xuất đồ uống (chủ yếu bia lon) tăng 23,46%. Bên cạnh đó, một số ngành có chỉ số sản xuất 2 tháng giảm hoặc tăng thấp so với cùng kỳ năm trước: sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác giảm 25,25%; in, sao chép bản ghi các loại tăng 8,47%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic giảm 3,18%; sản xuất trang phục tăng 0,61%; dệt tăng 6,16%.

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu 2 tháng đầu năm 2022 tăng cao so với cùng kỳ năm trước: thạch nha đam tăng 266,8%; tôm đông lạnh tăng 120%; hạt điều khô tăng 114,3%; bia đóng lon tăng 57,4%; điện gió tăng 48,9%; muối biển tăng 47,8%; sản xuất đường tăng 28,3%; tinh bột mỳ tăng 24,7%. Một số sản phẩm giảm hoặc tăng thấp: xi măng giảm 13,6%; điện mặt trời tăng 8,5%.

### **3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp**

*Số liệu tình hình hoạt động của doanh nghiệp trong 2 tháng đầu năm có nhiều tín hiệu tốt sau năm 2021 ảnh hưởng nặng nề dịch bệnh COVID-19. Số doanh nghiệp thành lập mới tăng 39,5% so với cùng kỳ năm trước; số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động tăng 2,15 lần; số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, giảm 31,6% và số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động, giảm 16,1%.*

Trong tháng Hai (tính đến 20/02/2022), cả tỉnh có 12 doanh nghiệp thành lập mới/37,1 tỷ đồng, giảm 7,7% số doanh nghiệp và số vốn đăng ký tăng 42,1% so cùng kỳ.

Lũy kế 2 tháng đầu năm có 60 doanh nghiệp thành lập mới/731,4 tỷ đồng, tăng 39,5% số doanh nghiệp (60/43 DN) và số vốn đăng ký tăng 10,3% so cùng kỳ. Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động tăng 115% so cùng kỳ (71/33 DN); có 14 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, giảm 31,6% (14/19 DN) và có 73 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động, giảm 16,1% so cùng kỳ (73/87 DN).

#### **4. Đầu tư**

*Dưới sự chỉ đạo quyết liệt của tỉnh về đẩy mạnh thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công nhằm kích thích sản xuất kinh doanh, tiêu dùng, tạo việc làm và bảo đảm an sinh xã hội, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế do ảnh hưởng của dịch Covid-19, tuy tháng Hai là tháng Tết Nguyên đán, nhưng vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước vẫn tăng cao 105,9% so với tháng trước và tăng 177,6% so với cùng kỳ, các mức tăng cao nhất trong các năm 2018-2022<sup>1</sup>. Tính chung 2 tháng đầu năm 2022, vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước tăng cao 103,1%, cũng đạt mức tăng cao nhất các năm 2018-2022<sup>2</sup>.*

Vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý tháng Hai ước tính đạt 195,7 tỷ đồng, tăng 177,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh 132,3 tỷ đồng, tăng 325,7%; vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện 64,3 tỷ đồng, tăng 64%. Tính chung 2 tháng đầu năm 2022, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước đạt 290,7 tỷ đồng, đạt 11,7% kế hoạch năm và tăng 103,1% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2021 đạt 7,6% và tăng 9,3%).

Vốn đầu tư tháng 02 năm 2022 thuộc nguồn ngân sách tỉnh chủ yếu thực hiện đầu tư các dự án chuyển tiếp từ 2021 chuyển sang: dự án Đường nối từ trung tâm Thị trấn Tân Sơn đi ngã tư Tà Năng - Đức Trọng, dự án Mở rộng đường Văn Lâm - Sơn Hải, dự án Trường Trung học phổ thông Nguyễn Trãi, dự án Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai - Ninh Thuận\_WB, dự án Đường đôi vào TP Phan Rang - Tháp Chàm (đoạn phía Nam).

#### **5. Tài chính, Ngân hàng**

##### **a/ Tài chính**

*Dịch COVID-19 đã ảnh hưởng tới kết quả thu ngân sách Nhà nước. Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn trong 2 tháng đầu năm nay giảm 16% so*

<sup>1</sup> Tốc độ tăng vốn đầu tư từ nguồn Ngân sách Nhà nước tháng 2 so với tháng trước các năm 2018-2022 là: năm 2018 giảm 5,8%; năm 2019 giảm 7,1%; năm 2020 giảm 15,3%; năm 2021 giảm 3%; năm 2022 tăng 105,9%.

Tốc độ tăng vốn đầu tư từ nguồn Ngân sách Nhà nước tháng 2 so với cùng kỳ năm trước các năm 2018-2022 lần lượt là: giảm 15,3%; tăng 68,3%; giảm 49,7%; tăng 17,4%; năm 2022 tăng 177,6%.

<sup>2</sup> Tốc độ tăng vốn đầu tư từ nguồn Ngân sách Nhà nước 2 tháng đầu năm so với cùng kỳ năm trước các năm 2018-2022 lần lượt là: giảm 5,3%; tăng 69,4%; giảm 47,2%; tăng 9,3%; năm 2022 tăng 103,1%.

với cùng kỳ năm trước, trong đó thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu giảm mạnh 96,8%.

Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh 2 tháng đầu năm ước tính đạt 625,4 tỷ đồng, đạt 17,9% dự toán năm và giảm 16% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: thu nội địa (không kể thu dầu thô) đạt 621,8 tỷ đồng, đạt 20,8% và giảm 1,5%; thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu 3,6 tỷ đồng, đạt 0,72% và giảm 96,8%. Số thu nội địa trong kỳ chủ yếu đến từ dự án điện gió; và nguyên nhân thu xuất, nhập khẩu giảm chủ yếu là khoản thuế GTGT.

Tổng chi ngân sách Nhà nước (không tính chi từ nguồn vốn Trái phiếu Chính phủ) ước tính đạt 699,5 tỷ đồng, đạt 11% dự toán năm. Công tác chi ngân sách được đảm bảo kế hoạch và đáp ứng kịp thời việc điều hành thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội của địa phương. Thực hiện tiết kiệm tối đa các khoản chi hành chính và mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác.

### ***b/ Ngân hàng***

*Hoạt động tiền tệ, ngân hàng trên địa bàn trong tháng Hai tiếp tục ổn định và an toàn. Huy động vốn và dư nợ tín dụng tiếp tục có sự tăng trưởng so với tháng trước và cuối năm 2021. Tỷ lệ nợ xấu vẫn trong tầm kiểm soát.*

Theo báo cáo của Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh Ninh Thuận, ước đến cuối tháng 02/2022: Nguồn vốn huy động trên địa bàn ước đạt 18.700 tỷ đồng, tăng 290 tỷ đồng (+1,58%) so với tháng trước, tăng 63 tỷ đồng (+0,34%) so với cuối năm 2021, bằng 89,6% kế hoạch năm 2022. Tổng dư nợ tín dụng ước đạt 33.900 tỷ đồng, tăng 255 tỷ đồng (+0,76%) so với tháng trước, tăng 564 tỷ đồng (+1,69%) so với cuối năm 2021, bằng 88,4% kế hoạch năm 2022. Dư nợ xấu trên địa bàn là 210 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 0,62% so với tổng dư nợ, bằng với tỷ lệ nợ xấu cuối tháng trước và giảm 0,01% so với tỷ lệ nợ xấu cuối năm 2021 (số tuyệt đối tăng 0,7 tỷ đồng).

## **6. Thương mại, giá cả, dịch vụ**

### ***a/ Bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng***

*Tháng Hai là tháng Tết Nguyên đán, nhiều ngành dịch vụ lại được tháo bỏ rào cản phòng chống dịch nên tình hình kinh doanh sôi động. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng Hai giảm 7,9% so với tháng trước và tăng 7,9% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 2 tháng đầu năm 2022, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 11,4% so với cùng kỳ năm trước.*

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng Hai ước tính đạt 2.362,3 tỷ đồng, giảm 7,9% so với tháng trước và tăng 7,9% so với cùng

kỳ năm trước, trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 1.885,5 tỷ đồng, giảm 10,2% và tăng 7,4%; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 293,8 tỷ đồng, tăng 4,2% và tăng 10,6%; doanh thu du lịch lữ hành đạt 0,1 tỷ đồng, tăng 4 lần và tăng 3,3 lần; doanh thu dịch vụ khác đạt 182,9 tỷ đồng, giảm 0,1% và tăng 8,4%. Nguyên nhân giảm so với tháng trước là Tết Nguyên đán Tân Sửu 2021 lại diễn vào giữa tháng 02, nhu cầu mua hàng tập trung vào tháng 02/2021; trong khi Tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022 diễn vào đầu tháng 02 nên nhu cầu mua hàng hóa phục vụ Tết tập trung trong tháng 01/2022.

Tính chung 2 tháng đầu năm 2022, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 4.927,5 tỷ đồng, tăng 11,4% so với cùng kỳ năm trước.

Xét theo ngành hoạt động 2 tháng đầu năm nay: Doanh thu bán lẻ hàng hóa ước tính đạt 3.985,6 tỷ đồng, chiếm 80,9% tổng mức và tăng 14% so với cùng kỳ năm trước do chi phí vận chuyển, nguyên liệu đầu vào tăng tác động làm giá hàng hóa tăng cao so với cùng kỳ năm trước, trong đó: vật phẩm văn hoá, giáo dục tăng 17%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 14,7%; lương thực, thực phẩm tăng 11,5%; phương tiện đi lại giảm 11,5%; may mặc giảm 13,7%. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước tính đạt 575,9 tỷ đồng, chiếm 11,7% tổng mức và tăng 1,1% so với cùng kỳ năm trước do tình hình dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh cơ bản đã được kiểm soát, nhu cầu du lịch, ăn uống trong dịp Tết Nguyên đán tăng cao, tỉnh cho phép “mở cửa” đón khách du lịch nội địa với chương trình “*Người Việt Nam đi du lịch Việt Nam*”. Doanh thu du lịch lữ hành ước tính đạt 0,1 tỷ đồng, chiếm 0,003% tổng mức và giảm 39,8% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu dịch vụ khác ước tính đạt 365,8 tỷ đồng, chiếm 7,4% tổng mức và tăng 3,2% so với cùng kỳ năm trước.

#### ***b/ Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá đô la Mỹ***

*Việc tháo dỡ nhiều rào cản do kiểm soát tốt dịch bệnh COVID-19 làm nhu cầu tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ của người dân tăng trong dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần, nên giá nhiều mặt hàng tăng so mặt bằng giá trước Tết. Chỉ số giá tiêu dùng tháng Hai tăng 0,97% so với tháng trước, tăng 1,13% so với tháng 12/2021 và tăng 2,45% so với bình quân 2 tháng đầu năm. Tuy nhiên, so với cùng kỳ năm trước, CPI tháng 02/2022 chỉ tăng 2,03% - thấp nhất kể từ năm 2017 đến nay<sup>3</sup>.*

Trong mức tăng 0,97% của chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 02/2022 so với tháng trước có 9/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng, trong đó:

<sup>3</sup> Tốc độ tăng CPI tháng Hai so với cùng kỳ năm trước các năm 2017-2022 lần lượt là: tăng 4,52%; tăng 4,07%; tăng 2,36%; tăng 5,93%; tăng 2,92%; tăng 2,03%.

nhóm giao thông tăng nhiều nhất với 2,39% do ảnh hưởng của đợt điều chỉnh tăng giá xăng dầu vào thời điểm 11/02/2022 và thời điểm 21/02/2022 làm chỉ số giá xăng, dầu tăng, góp phần làm CPI chung tăng 0,18 điểm phần trăm; bên cạnh đó, nhu cầu đi lại tăng trong dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022 làm cho giá dịch vụ giao thông công cộng tăng<sup>4</sup>. Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 1,61% do nhu cầu tăng vào dịp Tết (trong đó, ăn uống ngoài gia đình tăng 4,78%). Nhóm hàng hóa, dịch vụ khác tăng 0,66%; nhóm may mặc, mũ nón và giày dép tăng 0,39% do chi phí vận chuyển tăng; nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 0,29% chủ yếu do giá dầu hỏa và gas tăng; nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,26%; nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,21% là do giá bia tăng, đặc biệt là bia Heineken do nhu cầu tăng dịp Tết nhưng xuất hiện tình trạng thiếu hàng ở các đại lý; nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,15%; nhóm giáo dục tăng 0,02%. Nhóm duy nhất có chỉ số giá giảm là nhóm bưu chính, viễn thông giảm 0,88%. Nhóm còn lại có chỉ số giá không tăng không giảm là thuốc và dịch vụ y tế.

CPI tháng 02/2022 tăng 1,13% so với tháng 12/2021 và tăng 2,03% so với cùng kỳ năm trước; CPI bình quân 2 tháng đầu năm 2022 tăng 2,45% so với bình quân cùng kỳ năm 2021.

Giá vàng biến động cùng chiều với giá vàng thế giới, cộng với nhu cầu mua sắm vàng trong ngày vía Thần Tài (ngày mùng 10 tháng Giêng âm lịch) đã làm cho chỉ số giá vàng tăng. Chỉ số giá vàng tháng 02/2022 tăng 2,14% so với tháng trước nhưng giảm 1,98% so cùng kỳ năm trước; giá vàng 9999 hiện ở mức 5.350.000 đồng/chỉ. Giá đô la Mỹ giảm nhẹ 0,08% so với tháng trước và giảm 0,21% so cùng kỳ năm trước; giá đô la Mỹ hiện ở mức 23.520 đồng/USD.

### ***c/ Vận tải hành khách và hàng hóa***

*Dịch COVID-19 được cơ bản kiểm soát tốt trên địa bàn tỉnh ta đã góp phần thúc đẩy đà phục hồi hoạt động vận tải, nhất là vận tải hành khách. Lượng hành khách vận chuyển trong tháng Hai tăng 2,8% so với tháng trước và tăng 156,9% so với cùng kỳ năm trước; lượng hàng hóa vận chuyển giảm 39,7% và tăng 7,3%. Tính chung 2 tháng đầu năm 2022, vận chuyển hành khách tăng 45,2% so với cùng kỳ năm trước và vận chuyển hàng hóa tăng 9,6%.*

Tháng 02/2022 là thời điểm sau Tết Nguyên đán Nhâm Dần nên nhu cầu vận chuyển hành khách lưu thông có chiều hướng tăng, đặc biệt đối với hoạt động vận tải hành khách tuyến cố định chạy liên tỉnh, do nhu cầu người dân sau

<sup>4</sup> Giá vé tàu hỏa tăng 7,95%, giá vé xe khách tăng 20%-60% vào thời gian từ ngày 01-13/02/2022 đối với tuyến đường từ Ninh Thuận vào TPHCM.



dịp nghỉ Tết Nguyên đán về quê và trở lại làm việc, bên cạnh lượng sinh viên đại học từ các tỉnh vào nhập học ở các tỉnh, thành phố lớn. Vận tải hành khách tháng Hai ước đạt 0,6 triệu lượt hành khách vận chuyển, tăng 2,8% so với tháng trước và tăng 156,9% so với cùng kỳ năm trước; luân chuyển 45,7 triệu lượt hành khách.km, tăng 2,9% và tăng 154%. Tính chung 2 tháng năm 2022, vận tải hành khách đạt 1,1 triệu lượt hành khách vận chuyển, tăng 45,2% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển 90,1 triệu lượt hành khách.km, tăng 44,6%. Toàn bộ là hoạt động vận tải đường bộ trong nước.

Vận tải hàng hóa tháng Hai ước đạt 0,5 triệu tấn hàng hóa vận chuyển, giảm 39,7% so với tháng trước và tăng 7,3% so với cùng kỳ năm trước; luân chuyển 36,9 triệu tấn.km, giảm 34% và tăng 6,4%. Tính chung 2 tháng, vận tải hàng hóa đạt 1,3 triệu tấn hàng hóa vận chuyển, tăng 9,6% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển 92,8 triệu tấn.km, tăng 8,1%. Toàn bộ là hoạt động vận tải đường bộ trong nước.

## **7. Một số vấn đề xã hội**

### ***a/ Đòi sống dân cư, công tác an sinh xã hội***

Trong tháng Hai, cả tỉnh không phát sinh thiếu đói. Tỉnh đã kịp thời giải quyết chế độ chính sách cho các đối tượng Người có công và các đối tượng bảo trợ xã hội, đảm bảo các chính sách an sinh xã hội thực hiện được đầy đủ, đúng đối tượng. Trong đó, đã phân bổ 1.508,8 tấn gạo hỗ trợ dịp Tết của Chính phủ đến các đối tượng là thành viên hộ nghèo, cận nghèo, hộ khó khăn và các cơ sở Trợ giúp xã hội; trao 23.606 suất quà Tết với kinh phí 7,9 tỷ đồng đến các gia đình chính sách, người có công.

Hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19: Kết quả lũy kế tính đến ngày 16/02/2022, đã thực hiện hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết 68/NQ-CP cho 79.427 lượt lao động với kinh phí 118 tỷ đồng; theo Nghị quyết 116/NQ-CP của Chính phủ cho 27.478 người lao động/66 tỷ đồng.

### ***b/ Giáo dục***

Sau thời gian nghỉ Tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022, đến ngày 14/02/2022, học sinh tất cả các cấp mầm non, tiểu học, THCS, THPT trên địa bàn tỉnh đều đã trở lại trường học trực tiếp. Để đảm bảo an toàn cho học sinh đến trường, mọi công tác phòng dịch đều được chuẩn bị tốt như: lấy ý kiến của phụ huynh, công tác tiêm phòng, khử khuẩn vệ sinh lớp học, thực hiện nghiêm túc 5K, xây dựng các phương án học tập phù hợp,...

Trong tháng, ngành giáo dục tỉnh Ninh Thuận đã tổ chức cuộc thi Khoa học kỹ thuật dành cho học sinh phổ thông cấp tỉnh năm 2021-2022 và đăng ký dự án tham gia Cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp quốc gia năm học 2021-2022 do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức; thành lập đội tuyển tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia năm 2021-2022 của tỉnh, gồm 54 học sinh tham gia 9 môn thi.

#### ***c/ Chăm sóc sức khỏe cộng đồng***

Dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh cơ bản được kiểm soát tốt, ca bệnh giảm mạnh so với tháng trước. Trong tháng (*từ ngày 21/01/2022 đến 20/02/2022*) có 454 người mắc, giảm 67,1% (giảm 926 người) so với tháng trước; số người được điều trị khỏi xuất viện 522 người, giảm 71,8%. Tính chung đợt dịch thứ 4 (*từ ngày 27/4/2021 đến 20/02/2022*), phát hiện 7.038 người mắc bệnh; có 6.931 người được điều trị khỏi xuất viện; 59 người tử vong; số người đang điều trị là 48.

Tính đến ngày 20/02/2022, toàn tỉnh đã tiêm 1.163.355 mũi vắc xin; trong đó số người đủ 18 tuổi trở lên đã tiêm mũi 1 là 455.390 người; số người đã tiêm mũi 2 là 423.253 người; số người đã tiêm mũi 3 là 209.864 người. Số người từ 50 tuổi trở lên đã tiêm mũi 1 là 141.134 người; 132.706 người tiêm mũi 2 và 65.974 người tiêm mũi 3. Số người từ 65 tuổi trở lên đã tiêm mũi 1 là 42.425 người; 39.468 người tiêm mũi 2 và 14.366 người tiêm mũi 3. Số người từ 12-17 tuổi trở lên đã tiêm mũi 1 là 51.954 người và 46.294 người tiêm mũi 2.

Trong tháng không phát sinh ca ngộ độc thực phẩm, không tăng/giảm so với tháng trước và cùng kỳ năm trước. Lũy kế 2 tháng đầu năm 2022 không phát sinh ca ngộ độc thực phẩm, không tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước.

#### ***d/ Văn hóa, thể thao***

Góp phần phòng, chống dịch COVID-19, các hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch phục vụ Tết Nguyên đán được tổ chức gọn nhẹ, vui tươi, tiết kiệm và tuân thủ nghiêm các quy định về phòng, chống dịch với các hoạt động chính: Họa mặt kỷ niệm 92 năm ngày thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam (03/2/1930-3/2/2022) và mừng xuân Nhâm Dần 2022; trưng bày chuyên đề Mừng Đảng- Mừng Xuân Nhâm Dần 2022 tại Bảo tàng tỉnh, Thư viện tỉnh và Trung tâm Nghiên cứu Văn hóa Chăm; thực hiện lắp đặt trang trí đèn LED, linh vật và băng rôn tuyên truyền trên các tuyến đường phố; tổ chức thành công Giải bóng rổ Mừng Đảng- Mừng Xuân tỉnh Ninh Thuận năm 2022;...

Để hạn chế tập trung đông người nơi công cộng đảm bảo công tác phòng, chống dịch, tỉnh không tổ chức Vườn hoa Xuân, Hội báo Xuân, cắt giảm các hoạt động văn hóa, văn nghệ, chiếu phim so với các năm trước. Việc không tổ chức một số hoạt động trên được Nhân dân đồng tình, ủng hộ.

Ngoài ra, các doanh nghiệp kinh doanh về du lịch trên địa bàn tỉnh đã chủ động tổ chức nhiều loại hình dịch vụ, đáp ứng nhu cầu vui tươi, lành mạnh, an toàn cho du khách đến tham quan, vui Xuân và nghỉ dưỡng.

#### ***đ/ Tai nạn giao thông***

Trong tháng (từ ngày 15/01/2022 đến 14/02/2022), xảy ra 08 vụ tai nạn giao thông (toàn bộ thuộc đường bộ), bao gồm 05 vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên và 03 vụ va chạm giao thông, làm 03 người chết, 07 người bị thương. So với tháng trước, số vụ tai nạn giao thông giảm 08 vụ (-50%); số người chết giảm 04 người (-57,1%) và số người bị thương giảm 10 người (-58,8%). So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông giảm 14 vụ (-63,6%); số người chết giảm 10 người (-76,9%) và số người bị thương giảm 14 người (-66,7%).

Tính chung 2 tháng đầu năm, trên địa bàn cả tỉnh xảy ra 24 vụ tai nạn giao thông (toàn bộ thuộc đường bộ), bao gồm 11 vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên và 13 vụ va chạm giao thông, làm 10 người chết, 24 người bị thương. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông giảm 13 vụ (-35,1%); số người chết giảm 07 người (-41,2%) và số người bị thương giảm 12 người (-33,3%). Bình quân 2,5 ngày trong tháng xảy ra 01 vụ tai nạn giao thông.

Tính riêng tai nạn giao thông ít nghiêm trọng trở lên, trong 2 tháng đầu năm xảy ra 11 vụ, làm 10 người chết, 08 người bị thương. So với cùng kỳ năm trước, số vụ giảm 04 vụ (-26,7%); số người chết giảm 07 người (-41,2%) và số người bị thương tăng 01 người (+14,3%).

#### ***e/ Tình hình cháy, nổ***

Trong tháng Hai xảy ra 01 vụ cháy tại nhà xe công ty TNHH Đầu tư xây dựng thương mại- dịch vụ Yên Bình thuộc phường Đạo Long, thành phố Phan Rang- Tháp Chàm; không thiệt hại về người; tài sản thiệt hại 96 triệu đồng; nguyên nhân: do sự cố kỹ thuật điện. So với tháng trước, số vụ cháy tăng 01 vụ; thiệt hại về người không tăng/ giảm; thiệt hại về tài sản tăng 96 triệu đồng. So với cùng kỳ năm trước, số vụ cháy không tăng/giảm; thiệt hại về người không tăng/giảm; thiệt hại về tài sản tăng 23 triệu đồng.

Lũy kế 02 tháng đầu năm 2022, trên địa bàn tỉnh xảy ra 01 vụ cháy; không thiệt hại về người; tài sản thiệt hại 96 triệu đồng. So với cùng kỳ năm trước, số

vụ cháy không tăng/giảm; thiệt hại về người không tăng/giảm; thiệt hại về tài sản tăng 23 triệu đồng.

Vụ nổ không xảy ra.

***g/ Thiệt hại do thiên tai***

Trong tháng 02/2022 không xảy ra thiên tai, giảm 01 vụ so với tháng trước, không tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước; không thiệt hại về người, không tăng/giảm so với tháng trước và cùng kỳ năm trước; không thiệt hại về tài sản, giảm 65 triệu đồng so với tháng trước, không tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 02 tháng đầu năm, trên địa bàn tỉnh xảy ra 01 vụ thiên tai, tăng 01 vụ so với cùng kỳ năm trước; không thiệt hại về người, không tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước; ước tài sản thiệt hại khoảng 65 triệu đồng, tăng 65 triệu đồng./.

***Nơi nhận:***

- Vụ TK Tổng hợp và Phổ biến thông tin thống kê (b/c);
- Thường trực HĐND Tỉnh (b/c);
- VP Tỉnh ủy, VP UBND tỉnh (b/c);
- Các Sở, ngành cấp tỉnh;
- Ban Lãnh đạo Cục;
- Các Phòng, Chi cục trực thuộc Cục;
- Lưu: VT, TH.

**CỤC TRƯỞNG**

**Nguyễn Văn Hương**



# KINH TẾ - XÃ HỘI

Tháng 02 và 2 tháng đầu năm 2022

## SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

▼ 0,6%



Đàn trâu

▼ 1,5%



Đàn bò

▲ 4,1%



Đàn heo

▲ 10,1%



Đàn gia cầm

**Tình hình chăn nuôi**  
(tháng 2 năm 2022)



**17.913** ha ▲ 3%

**Diện tích gieo cấy lúa Đông xuân**

(tính đến ngày 15/2/2022)



**14.200,5** tấn ▼ 8,6%

**Sản lượng thủy sản**

(2 tháng năm 2022)

## SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Chỉ số sản xuất Công nghiệp (IIP) tháng 02/2022 so với cùng kỳ năm trước (%)

**119,90**



**Toàn ngành**



Khai khoáng

**128,53**



Chế biến, chế tạo

**158,43**



Sản xuất và phân phối điện

**115,24**



Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải

**108,35**

## TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ KINH DOANH 2 THÁNG ĐẦU NĂM 2022



**60** Doanh nghiệp

Doanh nghiệp đăng ký thành lập mới

▲ 10,3%



**731,4** tỷ đồng Vốn đăng ký

▲ 115%



**71** DN

Doanh nghiệp quay lại hoạt động

▼ 16,1%



**73** Doanh nghiệp

DN tạm ngừng kinh doanh có thời hạn

▼ 31,6%



**14** Doanh nghiệp

Doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể

## TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG 2 tháng đầu năm 2022

**4.927,5** tỷ đồng ▲ 11,4%



Bán lẻ hàng hóa



**3.985,6** tỷ đồng

▲ 14%

Lưu trú - Ăn uống



**576,0** tỷ đồng

▲ 1,1%

Du lịch lữ hành



**0,1** tỷ đồng

▼ 39,8%

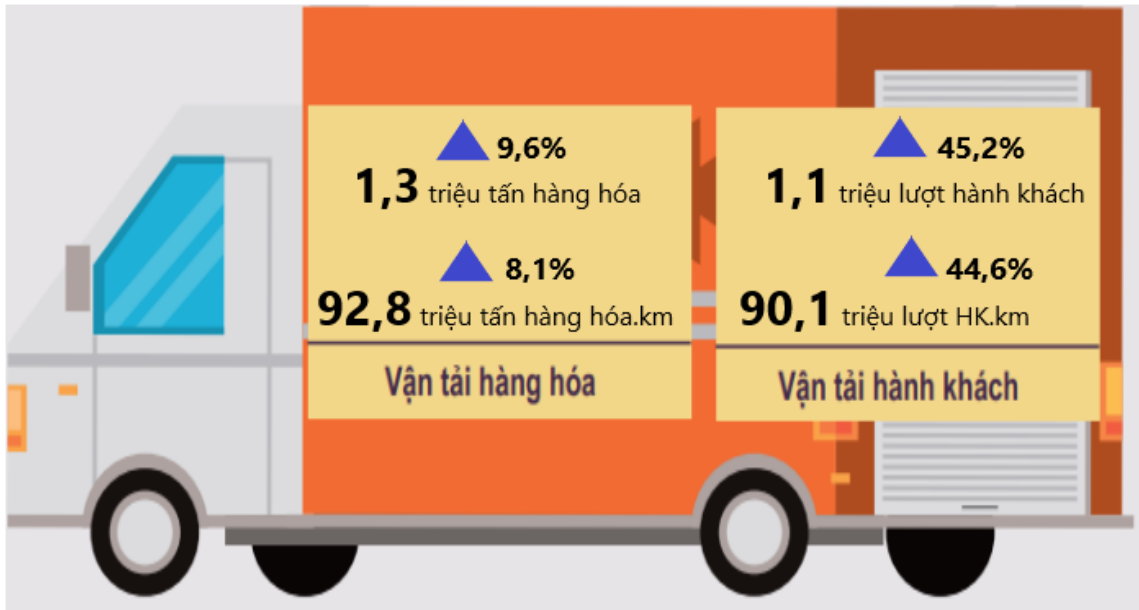
Dịch vụ khác



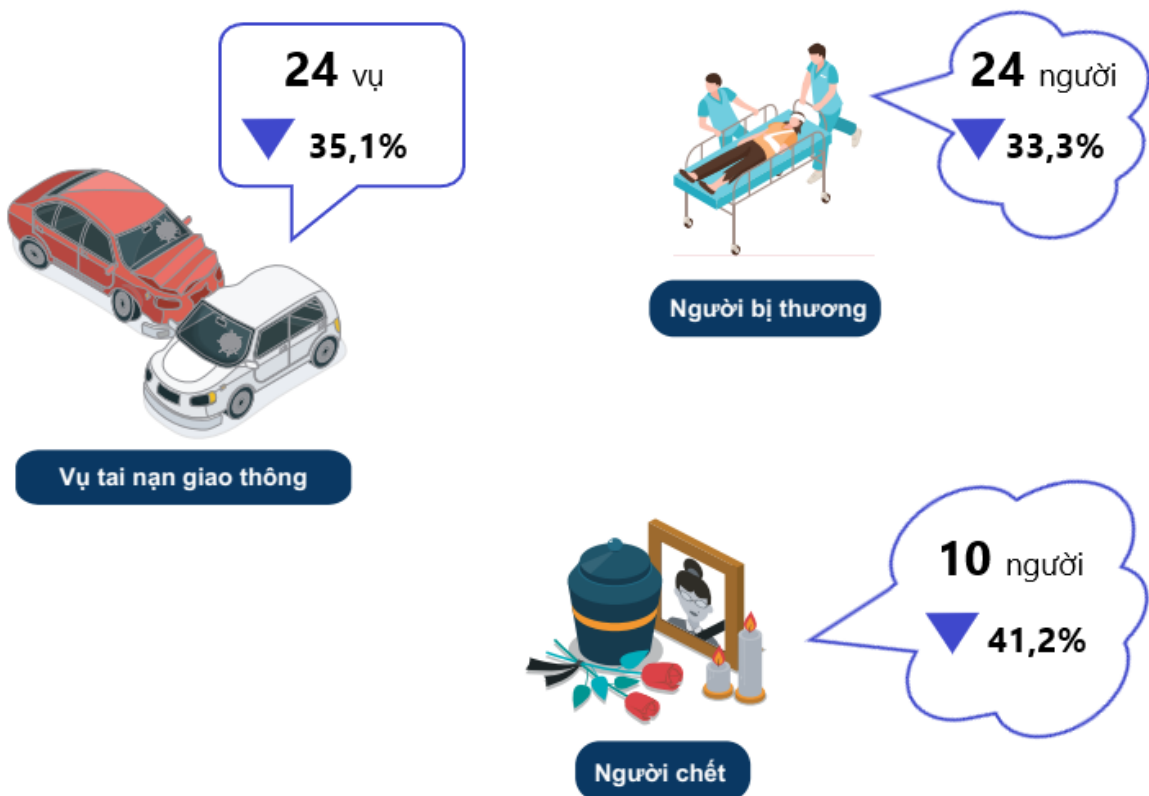
**365,8** tỷ đồng

▲ 3,2%

## HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI 2 THÁNG ĐẦU NĂM 2022



## TAI NẠN GIAO THÔNG 2 THÁNG ĐẦU NĂM 2022



**TÔNG CỤC THỐNG KÊ  
CỤC THỐNG KÊ TỈNH NINH THUẬN**

**SỐ LIỆU  
BÁO CÁO TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI  
THÁNG 02 NĂM 2022**

**Tỉnh Ninh Thuận**



## 1. Sản xuất nông nghiệp đến ngày 15 tháng 02 năm 2022

	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện kỳ báo cáo	<i>Ha</i> Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>Diện tích gieo trồng cây hàng năm</b>			
<b>Lúa</b>	<b>17.388,7</b>	<b>17.913,3</b>	<b>103,0</b>
Lúa Đông xuân	17.388,7	17.913,3	103,0
<b>Một số loại cây khác</b>			
Ngô	2.734,3	2.761,0	101,0
Khoai lang	63,6	89,6	140,9
Lạc	284,4	292,0	102,7
Rau các loại	3.345,9	3.137,5	93,8
Đậu các loại	701,6	727,4	103,7

**1B. Sản lượng thủy sản tháng 02 năm 2022**

	Thực hiện tháng 02 năm 2021 (Tấn)	Ước tính tháng 02 năm 2022 (Tấn)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 02 năm 2022 (Tấn)	tháng 02 năm 2022 so cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>Tổng sản lượng thủy sản</b>	<b>5.193,6</b>	<b>7.494,0</b>	<b>14.200,5</b>	<b>144,3</b>	<b>91,4</b>
Cá	4.479,7	6.775,0	12.584,1	151,2	88,2
Tôm	183,3	200,7	432,1	109,5	104,1
Thủy sản khác	530,6	518,3	1.184,3	97,7	138,5
<b>Sản lượng thủy sản nuôi trồng</b>	<b>428,0</b>	<b>435,0</b>	<b>893,0</b>	<b>101,6</b>	<b>102,9</b>
Cá	26,0	37,0	110,0	142,3	127,9
Tôm	142,0	158,0	358,0	111,3	101,7
Thủy sản khác	260,0	240,0	425,0	92,3	98,8
<b>Sản lượng thủy sản khai thác</b>	<b>4.765,6</b>	<b>7.059,0</b>	<b>13.307,5</b>	<b>148,1</b>	<b>90,7</b>
Cá	4.453,7	6.738,0	12.474,1	151,3	88,0
Tôm	41,3	42,7	74,1	103,3	117,7
Thủy sản khác	270,6	278,3	759,3	102,8	178,6

## 2. Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 02 năm 2022

	Tháng 01 năm 2022	Tháng 02 năm 2022	Tháng 02 năm 2022	Chỉ số đầu năm 2022
	so với cùng kỳ năm 2021	so với tháng trước	so với cùng kỳ năm trước	so với cùng kỳ năm trước
<b>Toàn ngành công nghiệp</b>	<b>103,88</b>	<b>98,32</b>	<b>119,90</b>	<b>111,25</b>
<b>Khai khoáng</b>	<b>109,59</b>	<b>141,89</b>	<b>128,53</b>	<b>119,96</b>
Khai khoáng khác	109,59	141,89	128,53	119,96
<b>Công nghiệp chế biến, chế tạo</b>	<b>92,12</b>	<b>77,57</b>	<b>158,43</b>	<b>112,73</b>
Sản xuất chế biến thực phẩm	97,19	80,60	193,53	124,95
Sản xuất đồ uống	106,32	68,12	161,75	123,46
Dệt	90,37	84,17	133,97	106,16
Sản xuất trang phục	81,56	68,74	152,41	100,61
Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện	-	66,67	83,33	208,33
In, sao chép bản ghi các loại	103,90	104,84	82,20	91,53
Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	140,00	71,43	250,00	171,43
Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	91,13	96,67	103,50	96,82
Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	62,01	86,01	98,21	74,75
Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	670,04	74,08	116,67	221,98
Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	-	70,98	35,87	86,41
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	100,23	35,34	68,74	89,52
<b>Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí</b>	<b>106,60</b>	<b>101,44</b>	<b>115,24</b>	<b>110,78</b>
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	106,60	101,44	115,24	110,78
<b>Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải</b>	<b>107,25</b>	<b>100,12</b>	<b>108,35</b>	<b>107,80</b>
Khai thác, xử lý và cung cấp nước	109,04	101,40	113,86	111,41
Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải; tái chế phế liệu	102,56	96,55	94,95	98,67

### 3. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 02 năm 2022

	Đơn vị tính	Thực hiện	Ước tính	Cộng dồn	tháng 02	Cộng dồn từ
		tháng 01 năm 2022	tháng 02 năm 2022	từ đầu năm đến cuối tháng 02 năm 2022	năm 2022 so với cùng kỳ năm trước (%)	đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>Tên sản phẩm</b> (Theo ngành sản phẩm)						
Đá xây dựng khác	Nghìn m <sup>3</sup>	113,6	70,8	184,4	103,7	111,5
Muối biển	Nghìn tấn	7,6	35,3	42,9	147,8	131,6
Tôm đông lạnh	Tấn	600,0	550,0	1.150,0	220,0	135,3
Hạt điều khô	Tấn	280,4	152,4	432,7	214,3	100,5
Tinh bột sắn, bột dong riềng	Nghìn tấn	0,5	1,0	1,5	127,4	40,2
Tinh bột khác	Nghìn tấn	0,0	0,0	0,0	84,5	253,2
Đường RS	Nghìn tấn	2,8	2,2	5,0	128,3	103,7
Thạch Nha đam	Tấn	2.044,4	1.532,0	3.576,4	366,8	356,0
Muối chế biến (muối iốt, muối tinh, muối xay, bột canh, bột gia vị...)	Nghìn tấn	6,2	4,6	10,8	123,9	105,7
Bia đóng lon	1000 lít	4.296,0	3.000,0	7.296,0	157,4	123,9
Nước yến và nước bổ dưỡng khác	1000 lít	117,6	64,0	181,6	226,0	119,8
Sợi xe từ các loại sợi tự nhiên: bông, đay, lanh, xơ dừa, cói ...	Tấn	93,0	68,1	161,1	136,5	128,9
Khăn mặt, khăn tắm và khăn khác dùng trong phòng vệ sinh, nhà bếp	Tấn	409,0	355,0	764,0	133,5	102,1
Bộ com-lê, quần áo đồng bộ, áo jacket, quần dài, quần yếm, quần soóc cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc	1000 cái	143,7	98,8	242,5	152,4	100,6
Thùng, hộp bằng bìa cứng (trừ bìa nhãn)	1000 chiếc	-	-	-	-	-
Bao bì đóng gói khác bằng plastic	Tấn	17,1	16,6	33,7	103,5	96,8
Gạch xây dựng bằng đất sét nung (trừ gốm, sứ) quy chuẩn 220x105x60mm	Triệu viên	4,7	3,1	7,8	254,5	115,3
Xi măng Portland đen	Nghìn tấn	16,0	12,5	28,6	86,4	73,6
Các loại đá lát, đá lát lề đường và phiến đá lát đường, bằng đá tự nhiên (trừ đá phiến)	Nghìn m <sup>2</sup>	-	11,2	11,2	166,7	47,5
Điện sản xuất	Triệu KWh	619,6	605,8	1.225,3	112,9	108,2
- Thủy điện	Triệu KWh	131,4	101,8	233,2	97,9	100,9
- Điện gió	Triệu KWh	119,1	127,6	246,7	148,9	115,9
- Điện mặt trời	Triệu KWh	369,1	376,3	745,4	108,5	108,2
Điện thương phẩm	Triệu KWh	57,4	58,6	116,0	113,1	110,7
Nước uống được	1000 m <sup>3</sup>	1.936,2	1.963,4	3.899,7	113,9	111,4

#### 4. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý tháng 02 năm 2022

	Thực hiện tháng 01 năm 2022	Ước tính tháng 02 năm 2022	Cộng đón từ đầu năm đến cuối tháng 02 năm 2022	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với kế hoạch năm 2022 (%)	Tỷ đồng Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>95,0</b>	<b>195,7</b>	<b>290,7</b>	<b>11,7</b>	<b>203,1</b>
<b>Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh</b>	<b>70,9</b>	<b>132,3</b>	<b>203,2</b>	<b>11,8</b>	<b>201,4</b>
Vốn cân đối ngân sách tỉnh	31,3	44,0	75,4	25,1	162,2
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	-	2,0	2,0	2,3	-
Vốn trung ương hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	28,5	66,2	94,7	20,1	181,8
Vốn nước ngoài (ODA)	11,0	20,1	31,1	4,4	3.212,3
Xổ số kiến thiết	-	2,0	2,0	9,5	4.347,8
Vốn khác	-	-	-	-	-
<b>Vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện</b>	<b>24,2</b>	<b>63,4</b>	<b>87,6</b>	<b>11,5</b>	<b>210,8</b>
Vốn cân đối ngân sách huyện	11,1	12,6	23,7	8,5	64,2
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	2,7	2,7	5,5	3,0	75,5
Vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	13,1	50,8	63,9	14,7	1.815,7
Vốn khác	-	-	-	-	-
<b>Vốn ngân sách Nhà nước cấp xã</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Vốn cân đối ngân sách xã	-	-	-	-	-
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	-	-	-	-	-
Vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	-	-	-	-	-
Vốn khác	-	-	-	-	-

## 5. Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 02 năm 2022

*Tỷ đồng*

	Thực hiện tháng 01 năm 2022	Ước tính tháng 02 năm 2022	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 02 năm 2022	tháng 02 năm 2022 so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>2.100,1</b>	<b>1.885,5</b>	<b>3.985,6</b>	<b>107,4</b>	<b>114,0</b>
Lương thực, thực phẩm	958,4	849,1	1.807,5	104,0	111,5
Hàng may mặc	84,7	67,3	152,0	77,0	86,3
Đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình	146,3	135,9	282,2	108,4	114,7
Vật phẩm văn hóa, giáo dục	13,9	12,2	26,1	110,3	117,0
Gỗ và vật liệu xây dựng	211,0	166,2	377,1	102,9	117,7
Ô tô các loại	1,6	1,3	2,9	35,3	40,3
Phương tiện đi lại (trừ ô tô, kể cả phụ tùng)	100,7	90,0	190,7	86,6	88,5
Xăng, dầu các loại	369,4	375,4	744,9	159,0	155,7
Nhiên liệu khác (Trừ xăng, dầu)	40,8	37,3	78,1	111,4	118,8
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	28,3	30,7	59,0	76,5	74,9
Hàng hóa khác	134,3	110,2	244,5	96,1	109,1
Sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy và xe có động cơ	10,7	10,0	20,7	46,4	49,7

## 6. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và dịch vụ khác tháng 02 năm 2021

	<i>Tỷ đồng</i>				
	Thực hiện	Ước tính	Cộng dồn	tháng 02	Cộng dồn từ đầu
	tháng 01	tháng 02	từ đầu năm	năm 2021	năm đến cuối
	năm	năm	đến cuối	so với	kỳ báo cáo
	2022	2022	tháng 02	cùng kỳ	so với cùng kỳ
			năm 2022	năm trước (%)	năm trước (%)
<b>Dịch vụ lưu trú, ăn uống</b>	<b>282,1</b>	<b>293,8</b>	<b>575,9</b>	<b>110,6</b>	<b>101,1</b>
Dịch vụ lưu trú	14,8	21,4	36,3	139,3	101,0
Dịch vụ ăn uống	267,3	272,4	539,7	108,8	101,1
<b>Du lịch lữ hành</b>	<b>0,02</b>	<b>0,11</b>	<b>0,13</b>	<b>432,0</b>	<b>60,2</b>
<b>Dịch vụ khác</b>	<b>183,0</b>	<b>182,9</b>	<b>365,8</b>	<b>108,4</b>	<b>103,2</b>

## 7. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá Đô la Mỹ tháng 02 năm 2022

%

	Tháng 02 năm 2022 so với:				Chỉ số giá bình quân 02 tháng năm báo cáo so với cùng kỳ năm trước
	Kỳ gốc	Cùng kỳ năm trước	Tháng 12 năm trước	Tháng trước	
<b>CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CHUNG</b>	<b>106,61</b>	<b>102,03</b>	<b>101,13</b>	<b>100,97</b>	<b>102,45</b>
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	107,14	98,67	101,19	101,61	98,32
<i>Trong đó:</i>					
Lương thực	104,59	89,07	98,50	98,85	91,13
Thực phẩm	103,87	98,02	99,09	100,63	97,51
Ăn uống ngoài gia đình	115,05	104,17	106,66	104,78	103,03
Đồ uống và thuốc lá	107,47	105,00	100,73	100,21	105,04
May mặc, giày dép và mũ nón	105,77	104,69	101,65	100,39	104,86
Nhà ở và vật liệu xây dựng	109,12	105,45	100,24	100,29	109,71
Thiết bị và đồ dùng gia đình	102,67	101,72	100,34	100,15	101,80
Thuốc và dịch vụ y tế	102,02	100,37	100,01	100,00	100,38
<i>Trong đó:</i> Dịch vụ y tế	101,93	100,00	100,00	100,00	100,00
Giao thông	108,01	112,49	103,57	102,39	112,26
Bưu chính viễn thông	101,34	101,37	99,12	99,12	101,82
Giáo dục	109,62	100,60	100,04	100,02	100,59
<i>Trong đó:</i> Dịch vụ giáo dục	110,36	100,38	100,00	100,00	100,38
Văn hoá, giải trí và du lịch	101,59	104,13	104,19	100,26	104,20
Hàng hóa và dịch vụ khác	106,60	100,18	100,66	100,66	101,32
<b>CHỈ SỐ GIÁ VÀNG</b>	<b>138,94</b>	<b>98,02</b>	<b>103,22</b>	<b>102,14</b>	<b>96,92</b>
<b>CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ</b>	<b>101,36</b>	<b>99,79</b>	<b>99,87</b>	<b>99,92</b>	<b>100,41</b>



## 8. Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải tháng 02 năm 2022

	Ước tính tháng 02 năm 2022	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 02 năm 2022	tháng 02 năm 2022 so với tháng trước (%)	tháng 02 năm 2022 so với cùng kỳ năm trước (%)	<i>Tỷ đồng</i>
					Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>91,6</b>	<b>216,5</b>	<b>73,3</b>	<b>140,0</b>	<b>121,2</b>
<b>Vận tải hành khách</b>	<b>33,2</b>	<b>65,6</b>	<b>102,1</b>	<b>255,4</b>	<b>145,1</b>
Đường sắt	-	-			
Đường biển	-	-			
Đường thủy nội địa	-	-			
Đường bộ	33,2	65,6	102,1	255,4	145,1
Hàng không	-	-			
<b>Vận tải hàng hóa</b>	<b>53,0</b>	<b>139,6</b>	<b>61,1</b>	<b>108,7</b>	<b>112,5</b>
Đường sắt	-	-			
Đường biển	-	-			
Đường thủy nội địa	-	-			
Đường bộ	53,0	139,6	61,1	108,7	112,5
Hàng không	-	-			
<b>Dịch vụ hỗ trợ vận tải</b>	<b>5,5</b>	<b>11,3</b>	<b>94,6</b>	<b>146,7</b>	<b>120,8</b>

## 9. Vận tải hành khách và hàng hoá tháng 02 năm 2022

	Ước tính tháng 02 năm 2022	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 02 năm 2022	tháng 02 năm 2022 so với tháng trước (%)	tháng 02 năm 2022 so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>A. HÀNH KHÁCH</b>					
<b>I. Vận chuyển (Triệu HK)</b>	<b>0,6</b>	<b>1,1</b>	<b>102,8</b>	<b>256,9</b>	<b>145,2</b>
Đường sắt	-	-			
Đường biển	-	-			
Đường thủy nội địa	-	-			
Đường bộ	0,6	1,1	102,8	256,9	145,2
Hàng không	-	-			
<b>II. Luân chuyển (Triệu lượt HK.km)</b>	<b>45,7</b>	<b>90,1</b>	<b>102,9</b>	<b>254,0</b>	<b>144,6</b>
Đường sắt	-	-			
Đường biển	-	-			
Đường thủy nội địa	-	-			
Đường bộ	45,7	90,1	102,9	254,0	144,6
Hàng không	-	-			
<b>B. HÀNG HÓA</b>					
<b>I. Vận chuyển (Triệu tấn)</b>	<b>0,5</b>	<b>1,3</b>	<b>60,3</b>	<b>107,3</b>	<b>109,6</b>
Đường sắt	-	-			
Đường biển	-	-			
Đường thủy nội địa	-	-			
Đường bộ	0,5	1,3	60,3	107,3	109,6
Hàng không	-	-			
<b>II. Luân chuyển (Triệu tấn.km)</b>	<b>36,9</b>	<b>92,8</b>	<b>66,0</b>	<b>106,4</b>	<b>108,1</b>
Đường sắt	-	-			
Đường biển	-	-			
Đường thủy nội địa	-	-			
Đường bộ	36,9	92,8	66,0	106,4	108,1
Hàng không	-	-			

## 10. Trật tự, an toàn xã hội tháng 02 năm 2022

	Sơ bộ tháng 02 năm 2022	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 02 năm 2022	tháng 02 năm 2022 so với tháng trước (%)	tháng 02 năm 2022 so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>Tai nạn giao thông</b>					
<b>Số vụ tai nạn giao thông (Vụ)</b>	<b>8</b>	<b>24</b>	<b>50,0</b>	<b>36,4</b>	<b>64,9</b>
Đường bộ	8	24	50,0	36,4	64,9
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	-	-	-	-	-
<b>Số người chết (Người)</b>	<b>3</b>	<b>10</b>	<b>42,9</b>	<b>23,1</b>	<b>58,8</b>
Đường bộ	3	10	42,9	23,1	58,8
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	-	-	-	-	-
<b>Số người bị thương (Người)</b>	<b>7</b>	<b>24</b>	<b>41,2</b>	<b>33,3</b>	<b>66,7</b>
Đường bộ	7	24	41,2	33,3	66,7
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	-	-	-	-	-
<b>Cháy, nổ</b>					
Số vụ cháy, nổ (Vụ)	1	1	-	100,0	100,0
Số người chết (Người)	-	-	-	-	-
Số người bị thương (Người)	-	-	-	-	-
Tổng giá trị tài sản thiệt hại ước tính (Triệu đồng)	96	96	-	131,5	131,5